

THÔNG BÁO

Việc thực hiện trích nộp 2% kinh phí công đoàn năm 2016 của các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố

Kính gửi: - Chủ tịch HĐQT, Hiệu trưởng các trường THPT;
- Giám đốc các Trung tâm Giáo dục Thường xuyên;
- Chủ tịch HĐQT, Hiệu trưởng các trường TCCN, Cao đẳng;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Thông báo của Bảo hiểm Xã hội Thành phố về số liệu Tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội của các đơn vị năm 2016;

Căn cứ Hướng dẫn số 486/HD-GDDT-CDN ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về việc đóng kinh phí công đoàn (đính kèm Hướng dẫn).

Theo báo cáo của Ban Tài chính Công đoàn Giáo dục Thành phố về tổng hợp số liệu thu 2% kinh phí công đoàn năm 2016 của các đơn vị (tính đến đầu tháng 02/2017), vẫn còn nhiều đơn vị chưa thực hiện việc trích nộp hoặc trích nộp 2% kinh phí công đoàn năm 2016 còn thiếu so với số phải nộp (số liệu đính kèm).

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THU KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN NĂM 2016

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG QUỸ LƯƠNG THEO SỐ LIỆU CỦA BHXH	KP CÔNG ĐOÀN		
			SỐ 2% KINH PHÍ PHẢI TRÍCH NỘP	KINH PHÍ ĐÃ NỘP	SỐ KP CÒN PHẢI NỘP
	KHỐI CÔNG LẬP				
1	THPT Trung Vương	6,596,221,680	131,924,434	106,657,030	25,267,404
2	THPT Bùi Thị Xuân	6,681,595,800	133,631,916	118,983,852	14,648,064
3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	10,180,494,720	203,609,894	182,645,278	20,964,616
4	THCS-THPT Lương Thế Vinh	8,499,530,640	169,990,613	108,874,155	61,116,458
5	THPT Thủ Thiêm	5,398,776,480	107,975,530	98,711,794	9,263,736
6	THPT Giồng Ông Tố	4,579,963,560	91,599,271	78,413,094	13,186,177
7	THPT Lê Quý Đôn	5,954,681,040	119,093,621	95,323,697	23,769,924
8	THPT Marie Curie	8,023,134,120	160,462,682	126,577,387	33,885,295

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG QUỸ LƯƠNG THEO SỐ LIỆU CỦA BHXH	KP CÔNG ĐOÀN		
			SỐ 2% KINH PHÍ PHẢI TRÍCH NỘP	KINH PHÍ ĐÃ NỘP	SỐ KP CÒN PHẢI NỘP
9	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	7,243,435,788	144,868,716	118,481,475	26,387,241
10	THPT Nguyễn Hữu Thọ	4,375,442,280	87,508,846	80,395,800	7,113,046
11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	10,439,415,360	208,788,307	190,134,274	18,654,033
12	THPT Trần Khai Nguyên	5,498,574,240	109,971,485	94,525,315	15,446,170
13	THPT Hùng Vương	10,678,763,040	213,575,261	204,149,637	9,425,624
14	THPT Trần Hữu Trang	2,071,023,840	41,420,477	38,100,270	3,320,207
15	THPT Bình Phú	5,760,000,000	115,200,000	113,999,423	1,200,577
16	THPT Lê Thánh Tôn	5,595,767,640	111,915,353	110,466,836	1,448,517
17	THPT Tân Phong	4,152,749,040	83,054,981	76,676,934	6,378,047
18	THPT Lương Văn Can	6,187,886,760	123,757,735	120,901,688	2,856,047
19	THPT Tạ Quang Bửu	6,269,068,080	125,381,362	115,037,374	10,343,988
20	THPT Nguyễn Văn Linh	2,848,591,680	56,971,834	56,161,388	810,446
21	THPT Nguyễn Huệ	6,337,985,400	126,759,708	118,441,786	8,317,922
22	THPT Phước Long	4,258,568,160	85,171,363	83,813,889	1,357,474
23	THPT Nguyễn Văn Tăng	2,903,622,480	58,072,450	54,588,369	3,484,081
24	THPT Nguyễn Du	6,499,384,440	129,987,689	106,529,862	23,457,827
25	THPT Nguyễn An Ninh	5,027,088,720	100,541,774	71,021,217	29,520,557
26	THPT Nguyễn Khuyến	6,318,726,480	126,374,530	123,546,575	2,827,955
27	THPT Sương Nguyệt Anh	3,449,061,600	68,981,232	64,683,601	4,297,631
28	THCS-THPT Diên Hồng	3,231,797,532	64,635,951	62,591,610	2,044,341
29	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	4,455,665,280	89,113,306	85,729,678	3,383,628
30	THPT Nguyễn Hiền	6,105,282,480	122,105,650	103,676,200	18,429,450
31	THPT Thạnh Lộc	4,433,754,600	88,675,092	81,001,367	7,673,725
32	THPT Hoàng Hoa Thám	4,879,226,040	97,584,521	85,352,000	12,232,521
33	THPT Gia Định	5,864,875,440	117,297,509	108,662,166	8,635,343
34	THPT Phan Đăng Lưu	5,487,745,920	109,754,918	93,116,434	16,638,484
35	THPT Gò Vấp	5,319,823,080	106,396,462	94,763,469	11,632,993
36	THPT Nguyễn Trung Trực	5,915,346,360	118,306,927	108,933,680	9,373,247
37	THPT Nguyễn Chí Thanh	6,643,814,760	132,876,295	114,085,751	18,790,544

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG QUỸ LƯƠNG THEO SỐ LIỆU CỦA BHXH	KP CÔNG ĐOÀN		
			SỐ 2% KINH PHÍ PHẢI TRÍCH NỘP	KINH PHÍ ĐÃ NỘP	SỐ KP CÒN PHẢI NỘP
38	THPT Trần Phú	9,369,247,800	187,384,956	178,925,130	8,459,826
39	THPT Tân Bình	6,976,546,320	139,530,926	114,644,000	24,886,926
40	THPT Thủ Đức	6,949,228,440	138,984,569	130,100,410	8,884,159
41	THPT Tam Phú	5,172,851,640	103,457,033	86,677,671	16,779,362
42	THPT Nguyễn Hữu Huân	7,799,391,960	155,987,839	154,535,330	1,452,509
43	THPT Hiệp Bình	5,277,395,640	105,547,913	93,057,930	12,489,983
44	THPT Đào Sơn Tây	3,056,648,760	61,132,975	59,632,786	1,500,189
45	THPT Nguyễn Hữu Cầu	7,130,120,400	142,602,408	141,218,603	1,383,805
46	THPT Bà Điểm	5,833,845,600	116,676,912	114,490,416	2,186,496
47	THPT Nguyễn Hữu Tiến	4,052,198,040	81,043,961	79,333,638	1,710,323
48	THPT Nguyễn Văn Cừ	4,787,839,320	95,756,786	88,257,952	7,498,834
49	THPT Phạm Văn Sáng	4,932,676,320	98,653,526	87,122,866	11,530,660
50	THPT Củ Chi	6,800,217,840	136,004,357	134,742,557	1,261,800
51	THPT Trung Phú	6,485,489,520	129,709,790	114,096,364	15,613,426
52	THPT An Nhơn Tây	3,952,837,680	79,056,754	73,072,401	5,984,353
53	THPT Trung Lập	2,912,300,880	58,246,018	55,825,162	2,420,856
54	THPT Phú Hòa	4,536,541,680	90,730,834	82,057,706	8,673,128
55	THPT Bình Chánh	5,874,298,320	117,485,966	101,041,872	16,444,094
56	THPT Tân Túc	3,409,136,640	68,182,733	66,772,985	1,409,748
57	THPT An Lạc	5,753,608,080	115,072,162	103,238,362	11,833,800
58	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	3,359,191,080	67,183,822	65,510,390	1,673,432
59	THPT Bình Tân	3,415,483,320	68,309,666	63,349,700	4,959,966
60	THPT Bình Hưng Hòa	3,798,338,520	75,966,770	73,201,294	2,765,476
61	THPT Long Thới	3,374,898,120	67,497,962	65,005,168	2,492,794
62	THPT Dương Văn Dương	1,980,992,640	39,619,853	31,554,776	8,065,077
63	THPT Bình Khánh	2,617,389,720	52,347,794	48,434,227	3,913,567
64	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	803,362,560	16,067,251	15,752,485	314,766
65	Trung tâm GDTX Chu Văn An	2,675,542,320	53,510,846	48,508,691	5,002,155
66	Trung tâm GDTX Tiếng Hoa	450,294,240	9,005,885	2,440,000	6,565,885

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG QUỸ LƯƠNG THEO SỐ LIỆU CỦA BHXH	KP CÔNG ĐOÀN		
			SỐ 2% KINH PHÍ PHẢI TRÍCH NỘP	KINH PHÍ ĐÃ NỘP	SỐ KP CÒN PHẢI NỘP
67	Trung tâm GDTX Quận 01	1,612,576,680	32,251,534	30,423,978	1,827,556
68	Trung tâm GDTX Quận 02	1,023,906,840	20,478,137	19,064,206	1,413,931
69	Trung tâm GDTX Quận 03	1,551,589,680	31,031,794	30,038,009	993,785
70	Trung tâm GDTX Quận 04	1,145,540,880	22,910,818	21,166,428	1,744,390
71	Trung tâm GDTX Quận 05	1,097,124,840	21,942,497	20,771,737	1,170,760
72	Trung tâm GDTX Quận 07	1,179,924,240	23,598,485	20,243,431	3,355,054
73	Trung tâm GDTX Quận 08	1,402,994,400	28,059,888	21,542,611	6,517,277
74	Trung tâm GDTX Quận 09	1,382,634,000	27,652,680	24,077,309	3,575,371
75	Trung tâm GDTX Quận 11	1,615,495,200	32,309,904	30,543,044	1,766,860
76	Trung tâm GDTX Quận 12	2,399,495,280	47,989,906	39,484,432	8,505,474
77	Trung tâm GDTX Quận Bình Thạnh	1,475,078,520	29,501,570	28,827,766	673,804
78	Trung tâm GDTX Quận Phú Nhuận	1,931,856,720	38,637,134	33,499,568	5,137,566
79	Trung tâm GDTX Quận Tân Bình	2,696,770,560	53,935,411	51,471,714	2,463,697
80	Trung tâm GDTX Quận Tân Phú	1,865,471,520	37,309,430	29,614,522	7,694,908
81	Trung tâm GDTX Quận Thủ Đức	1,752,856,920	35,057,138	22,446,735	12,610,403
82	Trung tâm GDTX Huyện Củ Chi	1,640,440,560	32,808,811	32,197,559	611,252
83	Trung tâm GDTX Huyện Nhà Bè	939,298,800	18,785,976	17,115,856	1,670,120
84	Trung tâm GDTX Huyện Cần Giờ	898,425,000	17,968,500	16,341,887	1,626,613
85	Mầm non 19/5	4,416,069,240	88,321,385	85,534,288	2,787,097
86	Mầm non Nam Sài Gòn	2,315,301,120	46,306,022	31,000,000	15,306,022
87	PTĐB Nguyễn Đình Chiểu	3,239,397,480	64,787,950	63,977,447	810,503
88	Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng	18,752,275,080	375,045,502	331,081,210	43,964,292
89	Tr tâm KTTH-HN Lê Thị Hồng Gấm	4,225,494,240	84,509,885	74,449,738	10,060,147
90	Cao đẳng Kinh tế TPHCM	10,542,884,880	210,857,698	194,413,201	16,444,497
91	TrC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh	6,471,418,800	129,428,376	105,768,230	23,660,146
92	TrC KT-NV Nam Saigon	10,071,885,120	201,437,702	200,818,853	618,849
93	TrC KT-KT Quận 12	4,528,851,600	90,577,032	46,501,604	44,075,428
94	TrC KT-KT Huyện Hóc Môn	2,286,798,360	45,735,967	42,809,301	2,926,666
95	Báo Giáo dục TP.HCM	1,363,428,000	27,268,560	8,471,221	18,797,339

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG QUỸ LƯƠNG THEO SỐ LIỆU CỦA BHXH	KP CÔNG ĐOÀN		
			SỐ 2% KINH PHÍ PHẢI TRÍCH NỘP	KINH PHÍ ĐÃ NỘP	SỐ KP CÒN PHẢI NỘP
	KHỎI NGOÀI CÔNG LẬP				
1	TH-THCS-THPT Úc Châu	1,240,680,000	24,813,600	24,353,000	460,600
2	THCS-THPT Nguyễn Bình Khiêm	1,303,800,000	26,076,000	19,053,600	7,022,400
3	THPT Thăng Long	1,196,760,000	23,935,200	3,500,000	20,435,200
4	THCS-THPT Quang Trung Nguyễn Huệ	1,920,000,000	38,400,000	32,157,440	6,242,560
5	THCS-THPT Phan Bội Châu	136,800,000	2,736,000		2,736,000
6	THPT Quốc Trí	497,640,000	9,952,800		9,952,800
7	THCS-THPT Đào Duy Anh	317,640,000	6,352,800	4,320,300	2,032,500
8	THPT Phú Lâm	762,720,000	15,254,400	13,825,600	1,428,800
9	THCS-THPT Đức Trí	4,591,344,000	91,826,880	80,691,240	11,135,640
10	TH-THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm	9,747,000,000	194,940,000	151,614,703	43,325,297
11	TH-THCS-THPT Quốc tế Á Châu	53,024,400,000	1,060,488,000	1,058,455,000	2,033,000
12	TH-THCS-THPT Vạn Hạnh	1,103,388,000	22,067,760	2,993,424	19,074,336
13	THCS THPT Duy Tân	888,000,000	17,760,000	10,600,000	7,160,000
14	TH-THCS-THPT Trương Vĩnh Ký	9,640,836,000	192,816,720	113,466,080	79,350,640
15	THPT Trần Nhân Tông	818,100,000	16,362,000	16,212,200	149,800
16	THPT Trần Quốc Tuấn	228,000,000	4,560,000		4,560,000
17	THCS-THPT Lạc Hồng	1,575,420,000	31,508,400	23,671,440	7,836,960
18	THPT Việt Âu	989,856,396	19,797,128	13,987,280	5,809,848
19	THPT Đông Đô	404,460,000	8,089,200	6,741,000	1,348,200
20	THPT Hưng Đạo	182,160,000	3,643,200		3,643,200
21	THPT Lam Sơn	868,920,000	17,378,400		17,378,400
22	THCS-THPT Đăng Khoa	1,123,500,000	22,470,000		22,470,000
23	THCS-THPT Hồng Hà	3,128,280,000	62,565,600	32,507,620	30,057,980
24	THCS-THPT Việt Mỹ	1,242,600,000	24,852,000	14,637,000	10,215,000
25	THCS-THPT Việt Anh	228,000,000	4,560,000		4,560,000
26	THPT Lý Thái Tổ	225,000,000	4,500,000		4,500,000
27	THPT Đào Duy Từ	144,000,000	2,880,000		2,880,000
28	THCS-THPT Bạch Đằng	144,000,000	2,880,000		2,880,000

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG QUỸ LƯƠNG THEO SỐ LIỆU CỦA BHXH	KP CÔNG ĐOÀN		
			SỐ 2% KINH PHÍ PHẢI TRÍCH NỘP	KINH PHÍ ĐÃ NỘP	SỐ KP CÒN PHẢI NỘP
29	TH-THCS-THPT Nguyễn Tri Phương	130,332,756	2,606,655	2,035,509	571,146
30	THPT Đồng Dương	1,036,980,000	20,739,600	18,494,240	2,245,360
31	THCS-THPT Việt Thanh	1,042,200,000	20,844,000	4,750,000	16,094,000
32	THCS - THPT Nguyễn Khuyến	36,611,004,000	732,220,080	594,509,485	137,710,595
33	TH-THCS-THPT Thanh Bình	12,657,600,000	253,152,000	237,895,000	15,257,000
34	THCS-THPT Thái Bình	2,923,452,000	58,469,040	55,886,420	2,582,620
35	THCS-THPT Bắc Ái	120,000,000	2,400,000		2,400,000
36	TH-THCS-THPT Thái Bình Dương	1,482,960,000	29,659,200	13,483,600	16,175,600
37	THPT Thủ Khoa Huân	179,760,000	3,595,200		3,595,200
38	THCS-THPT Nhân Văn	2,471,820,000	49,436,400	20,403,000	29,033,400
39	THCS-THPT Khai Minh	743,100,000	14,862,000	13,761,220	1,100,780
40	THPT Vĩnh Viễn	264,000,000	5,280,000		5,280,000
41	THCS-THPT Hồng Đức	6,163,800,000	123,276,000	86,657,200	36,618,800
42	THCS-THPT Trí Đức	4,980,000,000	99,600,000	83,024,000	16,576,000
43	THCS-THPT Tân Phú	4,151,952,000	83,039,040	46,029,852	37,009,188
44	THPT Minh Đức	271,800,000	5,436,000		5,436,000
45	THCS-THPT Quốc Văn Sài Gòn	664,560,000	13,291,200		13,291,200
46	THPT Thành Nhân	2,347,620,000	46,952,400	12,942,120	34,010,280
47	THPT Huỳnh Thúc Kháng	144,000,000	2,880,000		2,880,000
48	THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng	714,000,000	14,280,000	11,788,000	2,492,000
49	THPT Nam Việt	917,682,000	18,353,640		18,353,640
50	THPT Bách Việt	1,514,400,000	30,288,000	11,584,800	18,703,200
51	TH TT Phan Châu Trinh	1,989,562,800	39,791,256	39,383,244	408,012
52	TH-THCS-THPT Chu Văn An	907,212,000	18,144,240	9,628,000	8,516,240
53	Cty TNHH MTV GD Đàm Lê Đức	1,500,000,000	30,000,000	29,822,000	178,000
54	Tr Cấp Bến Thành	2,100,000,000	42,000,000	21,618,000	20,382,000
55	Trung cấp Vạn Tường	1,139,628,000	22,792,560	1,653,540	21,139,020
56	Tr Cấp Hồng Hà	879,060,000	17,581,200	4,786,000	12,795,200
57	Tr Cấp Bách Khoa TPHCM	1,278,780,000	25,575,600	24,227,360	1,348,240

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG QUỸ LƯƠNG THEO SỐ LIỆU CỦA BHXH	KP CÔNG ĐOÀN		
			SỐ 2% KINH PHÍ PHẢI TRÍCH NỘP	KINH PHÍ ĐÃ NỘP	SỐ KP CÒN PHẢI NỘP
58	TrC Tổng hợp Đông Nam Á	227,700,000	4,554,000		4,554,000
59	Tr Cấp Tin học kinh Tế Saigon	96,000,000	1,920,000		1,920,000
60	Tr Cấp Mai Linh	269,640,000	5,392,800		5,392,800
61	Tr Cấp Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2,010,780,000	40,215,600	21,139,280	19,076,320
62	Tr Cấp KT-KT Sài Gòn	876,000,000	17,520,000	4,454,820	13,065,180
63	Cao đẳng Y Dược Hồng Đức	3,465,720,000	69,314,400	66,273,660	3,040,740
64	Tr Cấp TT Tài chính-KT-TH Sài Gòn	351,936,000	7,038,720		7,038,720
65	Tr Cấp CNTT Sài Gòn	671,880,000	13,437,600		13,437,600
66	Tr Cấp KT-KT Tây Nam Á	906,058,848	18,121,177		18,121,177
67	Tr Cấp Phương Nam	3,260,460,000	65,209,200	7,972,765	57,236,435
68	Tr Cấp Đông Dương	1,349,376,000	26,987,520		26,987,520
69	Tr Cấp Đại Việt	1,653,600,000	33,072,000	6,764,000	26,308,000
70	Tr Cấp Quang Trung	2,993,880,000	59,877,600	19,176,000	40,701,600
71	Tr Cấp Bách Khoa Sài Gòn	2,254,608,000	45,092,160	40,527,120	4,565,040

Ban Thường vụ Công đoàn Giáo dục Thành phố, đề nghị Chủ tịch HĐQT, Thủ trưởng các đơn vị có tên trên khẩn trương thực hiện trích nộp bổ sung 2% kinh phí công đoàn năm 2016 mà đơn vị chưa nộp hoặc nộp còn thiếu về Ban Tài Chính Công đoàn Giáo dục Thành phố, Số 66-68 Lê Thánh Tôn, Quận 1 (Phòng 4.2, Tầng 4) hoặc chuyển vào tài khoản:

BCH CÔNG ĐOÀN NGÀNH GIÁO DỤC TPHCM

- Số hiệu tài khoản: 3751.0.9001132

- Tại kho bạc: Kho bạc Nhà nước TPHCM

* Thời gian thực hiện: từ nay đến hết ngày **25/02/2017**. Đề Ban Tài Chính kịp bổ sung tổng hợp và báo cáo về LĐLĐ Thành phố.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Các đơn vị “để thực hiện”
- UBKT CĐGD TP “để biết”
- BTC LĐLĐ TP “để báo cáo”
- Thường trực LĐLĐ TP “để báo cáo”
- Lưu VP.

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hùng

Số: 486 /HD-GDĐT-CDN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2014

HƯỚNG DẪN
Về việc đóng kinh phí công đoàn

Kính gửi: - Chủ tịch HĐQT, Hiệu trưởng các trường THPT
- Giám đốc các Trung tâm Giáo dục Thường xuyên
- Chủ tịch HĐQT, Hiệu trưởng các trường TCCN, Cao đẳng
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Luật Công đoàn năm 2012; Nghị định 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết về tài chính công đoàn;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-TLĐ ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy định tạm thời về thu, phân cấp thu, sử dụng, quản lý nguồn thu kinh phí công đoàn và Quyết định số 29/QĐ-LĐLĐ ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động TPHCM về phân cấp thu kinh phí công đoàn 2% cho Công đoàn Giáo dục thành phố;

Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn cho các trường học, cơ quan, đơn vị công lập và ngoài công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý trực tiếp, thực hiện việc trích nộp kinh phí công đoàn như sau:

Mức đóng và căn cứ đóng kinh phí công đoàn

Mức đóng bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động (được thực hiện từ ngày Luật công đoàn có hiệu lực thi hành, ngày 01/01/2013). Quỹ tiền lương này là tổng mức tiền lương của những người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Phương thức đóng kinh phí công đoàn

- Cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động thường xuyên đóng kinh phí công đoàn mỗi tháng một lần cùng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động.

Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan, đơn vị mở tài khoản giao dịch căn cứ giấy rút kinh phí công đoàn, thực hiện việc kiểm soát chi và chuyển tiền vào tài khoản tiền gửi của tổ chức công đoàn tại ngân hàng.

- Tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị ngoài công lập đóng kinh phí công đoàn mỗi tháng một lần cùng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động.

Nguồn đóng kinh phí công đoàn

- Đối với cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên, ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ nguồn đóng kinh phí công đoàn và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

- Đối với cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, ngân sách nhà nước bảo đảm nguồn đóng kinh phí công đoàn tính theo quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Phần kinh phí công đoàn phải đóng còn lại, đơn vị tự bảo đảm theo quy định.

- Đối với doanh nghiệp và đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khoản đóng kinh phí công đoàn được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong kỳ.

- Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại, khoản đóng kinh phí công đoàn được sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật.

Đơn vị được phân cấp thu kinh phí công đoàn:

BCH CÔNG ĐOÀN NGÀNH GIÁO DỤC TPHCM

- Số hiệu tài khoản: 3751.0.9001132

- Tại kho bạc: Kho bạc Nhà nước TPHCM

Trên đây là hướng dẫn thực hiện việc đóng kinh phí công đoàn theo Nghị định 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết về tài chính công đoàn tại các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị cần phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo và Công đoàn Giáo dục Thành phố để được hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Công đoàn ngành GDTP;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Hoài Nam